

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HC-PT

Ngày: 07/01/2022

*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán:

Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 649/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11126/2021/QĐPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Bùi Thị H sinh năm 1944; địa chỉ: Tổ 5, phường H1, thị xã S, tỉnh L; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phạm Thị N sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 5, phường H1, thị xã S, tỉnh L; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H:

- Ông Trần Mạnh H2 - Luật sư Văn phòng luật sư H3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; Có mặt.

- Luật sư Hoàng Văn H4, Phạm Văn T, Vũ Hoàng Nhật T1, Văn phòng luật sư H5 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt ông T và ông T1, vắng mặt ông H4.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh L.

Địa chỉ: Số 091, đường X, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H5 – Phó Chủ tịch UBND thị xã S; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phạm Tuấn Đ; Địa chỉ: Tổ 5, phường H1, thị xã S, tỉnh L; Vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Ngọc H6; Địa chỉ: Tổ 5, phường H1, thị xã S, tỉnh L; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H6: Bà Phạm Thị L1; Địa chỉ: Tổ 5, phường H1, thị xã S, tỉnh L; Có mặt.

- Ông Lê Hồng H7;

- Bà Lê Thị Bảo N1;

Cùng địa chỉ: Tổ 5, phường H1, thị xã S, tỉnh L;

- Ông Nguyễn Ngọc H8; địa chỉ: Tổ 7, phường H1, thị xã S, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H7, ông H8 và bà N1: Bà Phạm Thị N sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 5, phường H1, thị xã S, tỉnh L; Có mặt.

- Ông Lê Hồng T và bà Trần Thị H9; địa chỉ: Tổ 1, phường S, thị xã S, tỉnh L; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Bùi Thị H trình bày:

Ngày 21/3/2019, Ủy ban nhân dân huyện S (nay là thị xã S) (Viết tắt: UBND) ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S, huyện S, theo đó: “*Thu hồi 7.780,22m² đất, bao gồm 324,63m² đất nông nghiệp trồng cây hằng năm khác (vị trí 1) và 7.455,59m² đất trồng rừng sản xuất (vị trí 1) của hộ bà Bùi Thị H tại tổ 2B, thị trấn S, huyện S, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe*”. Theo bà H thì quyết định nêu trên là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà vì những lý do sau:

Thứ nhất, quyết định ban hành căn cứ vào Quyết định 1485/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 của UBND huyện S về việc phê duyệt Dự án Chợ văn hóa - Bến xe là trái pháp luật. Bởi lẽ, quyết định này phê duyệt Dự án theo hình thức đổi đất lấy cơ sở hạ tầng, dự án không thực hiện đấu thầu mà chỉ định thầu, không có bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 của Dự án nhưng đã phê duyệt Dự án dẫn đến việc thu hồi đất nhập nhèm không đúng với quyết định được phê duyệt và văn bản pháp luật áp dụng để ban hành Quyết định 1485/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 đã hết hiệu lực thi hành.

Thứ hai, diện tích đất bị thu hồi của bà H theo bản đồ địa chính năm 2000 cũ và bản đồ địa chính mới 2018 của UBND thị xã S cũng như trong sổ mục kê đều thể hiện số thửa, tờ bản đồ, diện tích đất sử dụng, mục đích sử dụng đất, tuy nhiên trong quyết định thu hồi không thể hiện những nội dung nêu trên là trái luật về hình thức.

Thứ ba, về nội dung:

- Bà H không phải là chủ sử dụng hợp pháp 7.780,22m² đất theo quyết định thu hồi đất. Trong tổng diện tích đất này bà H chỉ có một phần, còn một phần hiện tại bà H không quản lý sử dụng.

- UBND thị xã S thu hồi 02 loại đất của bà H gồm đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và đất trồng rừng sản xuất là không đúng. Bà H không có đất rừng chỉ có đất nông nghiệp trồng cây hàng năm.

- Diện tích đất của bà H bị UBND thị xã S thu hồi thực tế không phục vụ cho việc xây dựng Chợ văn hóa - Bến xe, bởi hai công trình này đã xây dựng xong và đi vào hoạt động đã lâu, việc thu hồi là để giao cho doanh nghiệp chia lô bán nền.

- Dự án Chợ văn hóa - Bến xe đã hết thời hạn thực hiện nhưng đến nay UBND thị xã S vẫn thu hồi đất của bà H là trái luật.

- Dự án Chợ văn hóa - Bến xe không có bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 kèm theo. Như vậy không có căn cứ để UBND thị xã S cho rằng đất của bà H nằm trong ranh giới giải phóng mặt bằng diện tích 30ha của Dự án được phê duyệt. Bà H khẳng định diện tích đất bị thu hồi không nằm trong diện tích đã được phê duyệt theo Quyết định 1485/QĐ-UBND của UBND tỉnh L. Bởi lẽ trước đó UBND thị xã S đã ban hành quyết định thu hồi cả diện tích đất ở của gia đình bà H nhưng sau khi gia đình bà H khởi kiện nhiều lần thì UBND thị xã đã không thu hồi nữa với lý do diện tích đất này nằm vào quy hoạch đường M1 của quy hoạch đồi thông chưa có dự án được phê duyệt. Dự án Chợ văn hóa - Bến xe được phê duyệt không có đường M1.

Vì những lý do trên, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L giải quyết vấn đề sau: Hủy Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND

huyện S (nay là thị xã S) về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe S.

Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện là UBND thị xã S trình bày:

Thứ nhất, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe (theo Luật Đất đai 2003):

Về định hướng quy hoạch: Ngày 04/5/2004, UBND tỉnh L đã ban hành Quyết định số 213/2004/QĐ-UB phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu Chợ văn hóa - Bến xe, với tổng diện tích 680.202m². Mục tiêu của quy hoạch là hình thành một khu dân cư đô thị, phát triển đô thị với quy hoạch sử dụng đất chủ yếu xây dựng các công trình nhà ở, dịch vụ thương mại và du lịch, các công trình phúc lợi, công cộng và hạ tầng kỹ thuật.

Về định hướng theo Quy chế đô thị: Quy chế đô thị S được ban hành lần đầu tiên vào năm 2004, theo Quyết định số 498/QĐ-UB ngày 08/9/2004 của UBND tỉnh L; được UBND tỉnh ban hành sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung vào năm 2012, theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 28/6/2012. Theo đó, toàn bộ diện tích được quy hoạch thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe thuộc Khu mở rộng (Kmr) gồm: Khu phố chợ mới (KmrA) và Khu đồi thông (KmrB, KmrC). Từ quy hoạch chi tiết và Quy chế đô thị S được UBND tỉnh L phê duyệt, đều thống nhất chung là đối với toàn bộ diện tích thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe, mục tiêu là hình thành một khu dân cư đô thị mới, mở rộng đô thị, phát triển đô thị, với quy hoạch sử dụng đất chủ yếu xây dựng các công trình nhà ở, dịch vụ thương mại và du lịch, các công trình phúc lợi, công cộng và hạ tầng kỹ thuật.

Về mục tiêu của dự án: Trên cơ sở quy hoạch chi tiết Khu Chợ văn hóa - Bến xe được UBND tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 213/2004/QĐ-UB ngày 04/5/2004; dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe được UBND tỉnh L phê duyệt theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 20/6/2005.

Theo dự án được phê duyệt thì dự án do UBND huyện S làm chủ đầu tư. Dự án được lập trên diện tích là 300.113m², với mục đích hình thành một khu dân cư đô thị mới, mở rộng đô thị, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá thị trấn S, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đồng thời tạo quỹ đất để bố trí các công trình công cộng và bố trí dân cư.

Thứ hai, về việc thu hồi đất đối với trường hợp của hộ bà H - tổ 2B, thị trấn S (nay là tổ 5, phường H1, thị xã S):

Thực hiện công tác GPMB tại dự án trong đó phải thu hồi diện tích 7.780,22m², trong đó có 324,64m² đất trồng cây hàng năm khác, 7.455,59m² đất trồng rừng sản

xuất của bà H. Do trước đây hồ sơ thu hồi không đảm bảo, UBND thị xã S đã thực hiện lại việc thu hồi, bồi thường đối với bà H, cụ thể:

Ngày 13/3/2017, UBND huyện S đã ban hành Giấy mời số 77/GM-UBND về việc triển khai công tác GPMB dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe. Việc tổ chức họp được diễn ra vào ngày 17/3/2017.

Ngày 27/4/2017, tổ công tác đã giao Thông báo về việc thu hồi đất đối với bà H tuy nhiên hộ gia đình không nhận thông báo.

Ngày 18/4/2018, tổ công tác đã bàn giao Thông báo số 50/TB-TTPTQĐ về việc thống kê kiểm đếm đối với hộ gia đình, tuy nhiên bà H không nhận thông báo.

Do bà H không nhận thông báo và không phối hợp với UBND huyện trong công tác thu hồi, bồi thường, ngày 09/5/2019 UBND thị trấn đã tổ chức vận động bà H tuy nhiên hộ bà H vắng mặt, UBND thị xã S đã ban hành Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 về việc kiểm đếm bắt buộc đối với bà H (được niêm yết tại UBND thị trấn và tổ dân phố 5).

Sau khi vận động không thành, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 729/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 06/6/2018, Ban thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đã tổ chức vận động hộ bà H, tuy nhiên hộ gia đình vẫn không phối hợp với các cơ quan trong quá trình triển khai kiểm đếm, do đó UBND huyện S đã thực hiện việc cưỡng chế kiểm đếm đối với bà H. Việc cưỡng chế kiểm đếm được diễn ra vào ngày 20/6/2018.

Sau khi có kết quả về số liệu hoa màu, tài sản trên đất của hộ gia đình, diện tích. Tổ công tác đã thực hiện áp giá và niêm yết công khai phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà H từ ngày 26/02/2019 đến ngày 18/3/2019.

Ngày 26/02/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất đã mời hộ bà H lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường vào ngày 01/3/2019, tuy nhiên hộ bà H vắng mặt không có lý do.

Sau khi kết thúc niêm yết công khai, không nhận được ý kiến tham gia của hộ gia đình, ngày 21/3/2019 UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định số 216/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà H.

Sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất đã mời hộ bà H tới nhận tiền tuy nhiên hộ bà H vẫn không tới nhận tiền. UBND huyện S đã phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với bà H. Việc cưỡng chế thu hồi đất được diễn ra vào ngày 23/4/2019.

Thứ ba, việc xác định diện tích đất thu hồi của bà Bùi Thị H:

Theo Biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu lập ngày 10/3/2005, bà H ký xác nhận diện tích đất phải thu hồi của gia đình là 8.436,02m², trong đó đất thổ cư là 120m², đất nông nghiệp 449,6m²; đất lâm nghiệp 7.867,02m². Tại biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu lập ngày 25/11/2011, khi thống kê và lập biên bản thì bà H có tham gia nhưng bà H không ký vào biên bản và cũng không yêu cầu hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư viết vào biên bản kiểm tra ý kiến của bà H. Tại biên bản trên xác định diện tích đất của hộ bà H bị thu hồi là 7.400m², trong đó đất thổ cư là 120m², đất trồng cây lâu năm là 449,6m², đất lâm nghiệp là 6.830m².

Thứ tư, việc xác định đối tượng thu hồi đất:

Về nguồn gốc đất, hộ bà H cung cấp giấy giao quyền sử dụng đất cho 05 người thân (ông T, ông H7, bà H10, ông H11, ông Ngọc H8) có xác nhận của UBND thị trấn S ngày 20/02/2000. Tuy nhiên, giấy giao quyền sử dụng đất của hộ bà H không hợp lệ, vì nội dung Xác nhận của UBND thị trấn S ghi “... *xác nhận ông bà Xá Huyền tổ 2 thị trấn S* ...”, nhưng tại thời điểm ngày 20/02/2000 chưa thành lập “*tổ 2*”, khu đất của hộ bà H thuộc “*xóm 2*” thị trấn S. Nội dung trên tại Kết luận số 21/KL-TT ngày 23/12/2013 của Thanh tra tỉnh L đã kết luận về việc thanh tra toàn diện dự án Chợ văn hóa - Bến xe, trong đó có hộ bà H.

Các con cháu của bà H đã không làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai nên tại thời điểm UBND huyện S ban hành Quyết định thu hồi đất đối với bà H thì văn bản này chưa phát sinh hiệu lực, do vậy các con, cháu của bà H không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gì. Mặt khác các con cháu của bà H trước đây cũng không có khiếu nại hoặc khởi kiện quyết định hành chính về quyết định thu hồi đất đối với bà H. Như vậy đã đủ căn cứ pháp luật để khẳng định diện tích đất bị thu hồi của bà H không có diện tích đất của người khác cùng sở hữu, sử dụng với bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng H7, ông Phạm Tuấn Đ, ông Lê Ngọc H6, bà Lê Thị Bảo N1, ông Nguyễn Ngọc H8 đều trình bày:

Ông H7, ông Đ, ông H6, bà N1, ông H8 là các con, cháu của bà H, được bà H tặng cho đất từ năm 1993, quản lý và sử dụng cho đến nay, được nhà nước công nhận và có tên trong bản đồ địa chính thị trấn S (nay là thị xã S). Vì vậy ông H7, ông Đ, ông H6, bà N1 và ông H8 đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng T và bà Trần Thị H9 trình bày:

Ông T là con đẻ của bà H, bà H9 là vợ của ông T. Ông T, bà H9 cho rằng trong diện tích đất mà UBND thị xã S thu hồi của bà H theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2009 về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử

dụng đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe có một phần diện tích khoảng 6.000m² do gia đình ông T đang quản lý, sử dụng, đã được UBND huyện S quyết định giao đất vườn rừng. Nguồn gốc đất là được bà H tặng cho từ năm 1992. Khi tặng cho thì bà H và chồng là ông X viết và ký vào Giấy tờ tặng cho đất, sau đó bà H là người trực tiếp đi làm thủ tục và được UBND thị trấn S, UBND huyện S đóng dấu xác nhận, UBND huyện S cấp sổ vườn rừng. Sau khi được tặng cho gia đình ông T sử dụng ổn định, thường xuyên, liên tục, không có tranh chấp với ai. Đến khi nhà nước thực hiện dự án Chợ văn hóa - Bến xe khoảng năm 2012 thì giữa gia đình ông T với các anh em trong gia đình và bà H xảy ra tranh chấp. Ông T và bà H9 đều nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà H hủy Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) để thực hiện lại thu hồi đất cho đúng đối tượng đang quản lý, sử dụng đất. Ngoài ra, ông T và bà H9 cũng đã nộp đơn khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp quyền sử dụng đất tại TAND thị xã S để xác định rõ diện tích đất mà gia đình ông T và bà H9 đang quản lý, sử dụng làm cơ sở để thu hồi đất đúng đối tượng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2001; Nghị định 68/2001/NĐ-CP ngày 01/10/2001 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; Điều 26 Luật Đất đai 2003; điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc: Hủy Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S, huyện S đối với diện tích đất của hộ bà Bùi Thị H tại tổ dân phố số 2B, thị trấn S, huyện S.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/10/2020, người khởi kiện là bà Bùi Thị H có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện Luật sư Trần Mạnh H2 có ý kiến cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không xem xét thẩm định tại chỗ mà căn cứ vào biên bản thẩm định năm 2018; căn cứ vào tài liệu từ năm 2005 để xác định loại đất bị thu hồi; cùng một diện tích đất bị thu hồi lại tồn tại 2 quyết định thu hồi đất. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính tuyên hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Luật sư Phạm Văn T và Vũ Hoàng Nhật T1 có ý kiến thể hiện: Dự án đầu tư khu chợ và Bến xe với diện tích 30,1ha tại giai đoạn sơ thẩm hồ sơ pháp lý không được thu thập đầy đủ; dự án có dấu hiệu thực hiện trái pháp luật, không đủ căn cứ để thu hồi; Quyết định 216/QĐ-UBND ngày 21/03/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S có nhiều sai phạm về mặt hình thức và về chủ thể bị thu hồi đất. Cụ thể: sơ đồ thửa đất bị thu hồi chỉ thể hiện diện tích và hình thể của thửa đất, không thể hiện rõ thửa đất này thuộc số ô, số thửa, tờ bản đồ, vị trí, ranh giới giữa các thửa đất và vị trí của thửa đất trong dự án đã được phê duyệt; Bà H, ông X đã lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 5 người con mỗi người 2000m² đất, các con của ông bà đã có tên trong Trích lục bản đồ địa chính của thị trấn S năm 2018 và sử dụng ổn định thửa đất nhiều năm không có tranh chấp; Ông Nguyễn Ngọc X là người cùng bà H khai hoang 2 mảnh đất diện tích khoảng 12.000m², là người có tên trong sổ hộ khẩu của hộ bà H, có công xây dựng tài sản trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông X vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sau khi phân tích tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Bùi Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 19/3/2020, bà Bùi Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh L hủy Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND

huyện S về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh L thụ lý giải quyết theo đúng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Trong vụ án này, người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Tại thời điểm có quyết định thu hồi đất có bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Ngọc X đang sinh sống trên thửa đất. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Ngọc X vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập ông Nguyễn Ngọc X tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm, tuy nhiên ông X đều không có mặt. Mặt khác quyền lợi của ông X đứng về phía bà H. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã xem xét yêu cầu khởi kiện của bà H là đảm bảo quyền lợi của ông Nguyễn Ngọc X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện S:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: UBND huyện S ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe đối với diện tích đất của hộ bà H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Về việc xác định loại đất đối với diện tích đất bị thu hồi:

Theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 UBND huyện S thu hồi diện tích 7.780,22m² đất, bao gồm 324,63m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác (vị trí 1) và 7.455,59m² đất trồng rừng sản xuất (vị trí 1) của bà H. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử thấy: UBND huyện S đã tiến hành thủ tục thu hồi đất để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe từ năm 2005, ngày 11/10/2012 UBND huyện S ban hành Quyết định thu hồi đất số 2176/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt bồi thường số 2188/QĐ-UBND. Bà H đã khởi kiện vụ án hành chính, tại Bản án số 01/2015/HC-ST ngày 15/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện S và Bản án số 02/2015/HC-PT ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã bác yêu cầu khởi

kiện của bà Bùi Thị H. Ngày 30/3/2017, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 242/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 2176/QĐ-UBND và Quyết định số 2188/QĐ-UBND để thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành.

Quá trình UBND huyện S tiến hành thủ tục thu hồi đất, tại Biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu ngày 10/3/2005 có chữ ký xác nhận của bà H đã xác định diện tích đất của bà H gồm có: Đất thổ cư 120m², đất nông nghiệp 449,6m², đất lâm nghiệp 7.867,12m². Sau khi UBND huyện S hủy bỏ các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt bồi thường trước đó để thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành đối với hộ gia đình bà H thì các cơ quan chức năng đã tiến hành trình tự, thủ tục thu hồi đất của Luật Đất đai năm 2013. Trong đó đã tiến hành việc thông kê kiểm đếm về đất, tài sản trên đất nhưng hộ gia đình bà H không phối hợp, UBND huyện S phải thực hiện việc cưỡng chế kiểm đếm đối với bà H (Biên bản ngày 20/6/2018). Đến thời điểm thu hồi đất bà H chỉ có duy nhất 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1990 với diện tích 900m² (trong đó 540m² nhà ở và vườn trồng màu, 360m² đất trồng được), trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có sơ đồ, không thể hiện vị trí đất nên không Xác định được vị trí từng thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, tổ công tác xác định loại đất theo hiện trạng đối với hộ bà H là đúng quy định tại Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[2.2.2] Về việc xác định chủ sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi:

Bà H cho rằng đối với diện tích đất bị thu hồi 7.780,22m² theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện S thì bà không phải là chủ sử dụng hợp pháp của toàn bộ diện tích đất này mà bà chỉ sử dụng một phần, phần còn lại do các con cháu của bà là ông H7, ông Đ, ông H6, bà N1, ông H8. Tuy nhiên bà H không xác định được các con, cháu sử dụng phần nào, vị trí và diện tích cụ thể trong diện tích đất bị thu hồi.

Ông Lê Hồng Tuấn (là con trai bà H) trình bày trong diện tích đất mà UBND thị xã S thu hồi của bà H theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 có một phần diện tích khoảng 6.000m² do gia đình ông T đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc đất là được bà H tặng cho từ năm 1992.

Xét giấy giao quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử thấy: Giấy giao quyền sử dụng đất không ghi ngày, tháng, năm nhưng có xác nhận đề ngày 15/10/1993 của ông Quang Vinh (là đội trưởng đội 1) và xác nhận của UBND thị trấn S ngày 20/02/2000. Trong Giấy giao quyền sử dụng đất có nội dung ông X, bà H có khai hoang được 2 mảnh đất khoảng 12.000m² từ năm 1977 và chuyển quyền sử dụng

cho các con cháu mỗi người diện tích 2.000m² gồm ông T, ông H7, bà Hiền, ông Hưng, ông H8.

Tuy không Xác định được chính xác thời điểm bà H, ông X giao quyền (tặng cho) quyền sử dụng đất nhưng căn cứ vào xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn S thể hiện vào ngày 20/02/2000, tại thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 1995 đang có hiệu lực. Theo quy định tại Điều 491 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền và Hộ gia đình cá nhân có quyền chuyển quyền sử dụng đất cho người khác khi có đủ các điều kiện: 1. Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đất đai.... (Điều 693 Bộ luật Dân sự). Tại thời điểm chuyển quyền bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 900m² (trong đó có 540m² nhà ở và vườn trồng màu, 360m² đất trồng dứa). Mặt khác từ năm 2000 đến thời điểm UBND huyện S thu hồi đất thì bà H cũng như những người có tên được chuyển quyền sử dụng đất trong Giấy giao quyền sử dụng đất không làm thủ tục đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, UBND huyện S thực hiện việc thu hồi đất căn cứ vào giấy tờ liên quan (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1990 cho hộ bà H) và Biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu ngày 10/3/2005 có chữ ký xác nhận của bà H trong đó xác nhận toàn bộ đất đai, tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà H (chồng là ông Nguyễn Ngọc X) là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2.3] Đối với nội dung của Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện S, người khởi kiện cho rằng đã vi phạm quy định của pháp luật do diện tích đất thu hồi của hộ bà H không phục vụ cho việc xây dựng Chợ văn hóa - Bến xe, mà việc thu hồi là để giao cho doanh nghiệp chia lô bán nền. Hội đồng xét xử thấy, Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe mục tiêu là hình thành một khu dân cư đô thị mới, mở rộng đô thị, phát triển đô thị với quy hoạch sử dụng đất chủ yếu xây dựng các công trình nhà ở, dịch vụ thương mại và du lịch, các công trình phúc lợi, công cộng và hạ tầng kỹ thuật. Dự án không chỉ xây dựng hai công trình là Chợ văn hóa - Bến xe.

Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt dự án đã phê duyệt thời gian thực hiện dự án từ năm 2005 đến năm 2008. Sau đó, thời hạn thực hiện dự án được liên tục cho phép gia hạn tại các văn bản sau: Tại Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 29/8/2008 của UBND tỉnh L đã gia hạn thời gian thực hiện dự án đến năm 2010; Tại Thông báo số 212/TB-VPUBND ngày 27/8/2013 của Văn phòng UBND tỉnh L thể hiện, UBND tỉnh đã đồng ý gia hạn dự án đến hết tháng 12 năm 2015; Tại Thông báo số 85/TB-VPUBND ngày 21/3/2016 của Văn phòng UBND tỉnh L thể hiện, UBND tỉnh đã đồng ý gia hạn dự án đến 30/6/2016. Như vậy việc dự án bị kéo dài là do nhiều nguyên nhân

khách quan và chủ quan, đó là việc phải điều chỉnh nhiều lần về phương án tài chính, bổ sung quy hoạch dự án, chuyển nhà đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng... và dự án được phép kéo dài đã được thể hiện bằng các kết luận và Thông báo của UBND tỉnh L. Bà H cho rằng Dự án Chợ văn hóa - Bến xe đã hết thời hạn thực hiện nhưng đến nay UBND thị xã S vẫn thu hồi đất của gia đình bà H là trái luật là không có căn cứ.

[2.2.4] Bà H kháng cáo cho rằng Dự án Chợ văn hóa - Bến xe không có bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nên không có căn cứ xác định diện tích đất của bà nằm trong ranh giới giải phóng mặt bằng của Dự án. Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 04/5/2004, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 213/2004/QĐ-UB phê duyệt quy hoạch chi tiết khu Chợ văn hóa - Bến xe với tổng diện tích 68,02ha, để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, nhà ở, dịch vụ thương mại và du lịch, bao gồm: Đất chợ văn hóa, đất bến xe khách, đất nhà chia lô, đất biệt thự, khu dân cư đã có, bãi đỗ xe, đất giao thông...

Ngày 20/6/2005, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1485/QĐ-UBND, Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 15/6/2006, Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 07/8/2006 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe với tổng diện tích 30,01ha, bao gồm: Đất chợ văn hóa, đất bến xe, đất dịch vụ, đất biệt thự, đất nhà ở chia lô, đất tái định cư, đất giao thông...

Ngày 19/9/2011, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 2361/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đôi thông thị trấn S với diện tích quy hoạch là 63ha, trong đó gồm 30ha theo dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe và 33ha khu mở rộng. Riêng khu mở rộng, hiện nay chưa phê duyệt dự án, chưa thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/10/2018 của TAND tỉnh L tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích khoảng 7000m² mà UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 888/UB-UBND ngày 15/8/2018 thu hồi diện tích 3.416,22m² đối với bà H và Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 thu hồi diện tích 4.364m² đối với ông T thì tại phần ghi chú ở Sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất đã xác định hai thửa đất đo đạc theo hiện trạng nằm trong ranh giới quy hoạch của Sơ đồ kèm theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt Dự án đầu tư công trình: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe. Mặc dù UBND huyện S đã ban hành quyết định hủy 02 Quyết định thu hồi đất năm 2018 đối với bà H và ông T để thực hiện lại việc thu hồi đất, Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 được ban hành

trên cơ sở thực hiện lại việc thu hồi đất sau đó nên diện tích đất thu hồi về cơ bản trùng với diện tích thu hồi ở 02 quyết định trước. Vì vậy, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/10/2018 của TAND tỉnh L vẫn làm căn cứ chứng minh diện tích đất thu hồi của bà H theo Quyết định số 216/UB-UBND và nằm trong Dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe.

Xét thấy, quá trình thu hồi đất đối với hộ bà H đã diễn ra trong thời gian dài nhưng khi thu hồi đất thì bà H và các con cháu đều không có ý kiến gì về việc xác định chủ sử dụng đất, không phối hợp với cơ quan nhà nước. Trong khi đó thì Dự án Chợ văn hóa - Bến xe đã được phê duyệt và trong quá trình triển khai thực hiện, dự án cũng được gia hạn thời hạn thực hiện nhiều lần. Việc hộ gia đình bà H không hợp tác một phần nào là nguyên nhân dẫn đến việc triển khai thực hiện dự án bị kéo dài, gây khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng. Do đó, UBND huyện S xác định chủ sử dụng đất là bà Bùi Thị H là có căn cứ. Trường hợp các con cháu bà H có đủ căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất của mình có thể yêu cầu bà H trả tiền bồi thường tương ứng với diện tích đất bị thu hồi mà mình sử dụng hợp pháp. Mặt khác, theo Văn bản số 2684/UBND-TNMT ngày 26/8/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã S có nội dung thể hiện Quyết định số 216/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ gia đình bà Bùi Thị H không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1990 cấp cho bà H với diện tích 900m². Phần diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ngoài dự án không thuộc phạm vi thu hồi và hiện gia đình bà H vẫn đang sinh sống, canh tác.

[2.2.6]. Quá trình thu hồi đất đối với hộ bà Bùi Thị H, UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) ban hành nhiều quyết định hành chính, cụ thể:

- Ngày 11/10/2012, UBND huyện S ban hành Quyết định thu hồi đất số 2176/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt bồi thường số 2188/QĐ-UBND.

- Ngày 30/3/2017, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 242/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 2176/QĐ-UBND và Quyết định số 2188/QĐ-UBND để thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành.

- Ngày 29/9/2017, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 731/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 UBND huyện S.

- Ngày 15/08/2018, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 888/QĐ-UBND về việc thu hồi 3.416,22m² đất của hộ bà Bùi Thị H và quyết định này thay thế Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 UBND huyện S.

- Ngày 18/12/2018, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 1355/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 UBND huyện S.

- Ngày 18/12/2018, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 1356/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 UBND huyện S.

- Ngày 16/01/2019, huyện S đã ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 15/08/2018 của UBND huyện S; Lý do hủy bỏ: tiếp tục thực hiện thu hồi đất theo Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 UBND huyện S.

- Ngày 21/03/2019, của UBND huyện S ban hành quyết định số 216/QĐ-UBND về việc thu hồi 7.780,22m² đất của hộ bà Bùi Thị H.

Như vậy Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 26/01/2019 đã hủy Quyết định số 888/QĐ-UBND và tiếp tục thực hiện thu hồi đất theo Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; theo đó Quyết định 2176/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 chưa hết hiệu lực. Ngày 21/3/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà H, nội dung của quyết định không nêu phần quyết định thay thế là thiếu sót. Tuy nhiên trong quá trình xét xử phúc thẩm ngày 06/10/2021, Ủy ban nhân dân thị xã S đã ban hành Quyết định số 1638/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S, huyện S.

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 do Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 cũng như quy định về quyền, nghĩa vụ của người bị kiện theo khoản 4 Điều 57 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S, huyện S đối với diện tích đất của hộ bà Bùi Thị H tại tổ dân phố số 2B, thị trấn S, huyện S là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của bà H đề nghị hủy quyết định nêu trên là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H.

[4] Về án phí: Bà Bùi Thị H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hành chính.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của bà Bùi Thị H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Biên lai thu số 0001578 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, P.HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà